

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY AN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM -ST  
Ngày: 24/8/2020  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Văn Điều và ông Võ Kỳ Tùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan -Thư ký tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2020/TLST-KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ  
Địa chỉ: 130 đường P, phường 3, quận N, thành phố Hồ Chí Minh

Do ông Trần Đức H, Chức vụ: Nhân viên, đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 24/8/2020 của Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á, Chi nhánh Phú Yên.

Địa chỉ: 230 đường T, phường 4, thành phố TH, tỉnh Phú Yên  
Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1983  
Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn L, sinh năm 1976  
Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2019 và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ do đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 10 tháng 8 năm 2016, chị Phạm Thị N có vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng TMCP Đ) số tiền 20.000.000đ theo đợt vay số 0137175701T16004 ngày 10/8/2016 theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kèm khế ước nhận nợ lập ngày 25/7/2016, thời hạn cho vay 12 tháng; Lãi suất vay 9,6%/năm; Hình thức đảm bảo tiền vay không có đảm bảo bằng tài sản; Mục đích vay buôn bán.

Sau khi xét duyệt, Ngân hàng chuyển số tiền cho vay qua số tài khoản thẻ của chị N mở tại Ngân hàng TMCP Đ. Người bảo lãnh trong trường hợp chị N không thanh toán tiền vay cho Ngân hàng theo khế ước nhận nợ là anh Lê Văn L.

Khi đến hạn thanh toán, bên vay không thực hiện đúng các cam kết đã thỏa thuận, không trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ nhưng chị N, anh L vẫn không thanh toán. Từ ngày vay đến khi khởi kiện, chị N chỉ trả được số tiền vay gốc 16.933.539đ; Tiền lãi trong hạn 1.378.461đ.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu vợ chồng chị Phạm Thị N, anh Lê Văn L phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn lại là 3.066.461đ, tiền lãi trong hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là 541.539đ, tiền lãi quá hạn bằng 150% tiền lãi trong hạn là 14,4%/năm là 3.081.833đ và tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ khi chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng trên số tiền vay gốc chưa thanh toán cho đến khi vợ chồng chị N, anh L thanh toán toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng.

- Bị đơn chị Phạm Thị N thừa nhận có vay của Ngân hàng Đ số tiền như Ngân hàng đã khởi kiện, chị N cho rằng chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc là 2.600.000đ vì chị N đã xin Ngân hàng không tính tiền lãi đối với khoảng vay trên. Khi đó anh Nguyễn Trung Châu là nhân viên của Ngân hàng Đ đã đưa cho chị N ký vào giấy tờ để khoan lãi, chỉ phải trả tiền gốc cho Ngân hàng. Khi vay tại Ngân hàng Đ chồng chị N là anh Lê Văn L không biết và cũng không ký gì vào giấy đề nghị cho vay vốn của Ngân hàng, sau này không trả được nợ, Ngân hàng cho nhân viên tới đòi thì anh L mới biết. Nên chị N có trách nhiệm trả một mình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn L vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ, xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, đã tuân thủ tục tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa. Bị đơn chị Phạm Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn L vắng mặt từ khi thụ lý đến khi xét xử đã được tổng đạt hợp lệ. Về nội dung: Căn cứ Khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện chị Phạm Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn L, cùng trú tại Khu phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc tranh chấp hợp đồng vay giữa một bên là pháp nhân với cá nhân, nhưng đều có mục đích lợi nhuận. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng chị Phạm Thị N và anh Lê Văn L.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ, chị Phạm Thị N và anh Lê Văn L, chị N được Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh tỉnh Phú Yên cho vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay 12 tháng, mục đích là buôn bán.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, chị Phạm Thị N còn nợ Ngân hàng số tiền là 6.689.833đ, gồm nợ gốc là 3.066.461đ, nợ lãi trong hạn là 541.539đ và lãi quá hạn là 3.081.833đ.

Do đó, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu chị N, anh L phải trả số tiền vay gốc, tiền lãi (trong hạn, quá hạn) và xuất trình các tài liệu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện được coi là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của kiểm sát viên, buộc chị Phạm Thị N, anh Lê Văn L phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 6.689.833đ, gồm nợ gốc là 3.066.461đ, nợ lãi trong hạn là 541.539đ và lãi quá hạn là 3.081.833đ và vợ chồng chị Phạm Thị N, anh Lê Văn L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 25/7/2016 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000đ. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc vợ chồng chị Phạm Thị N, anh Lê Văn L phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay gốc là 3.066.461đ, nợ lãi trong hạn là 541.539đ và lãi quá hạn là 3.081.833đ; Tổng cộng là 6.689.833đ (*Sáu triệu, sáu trăm tám mươi chín ngàn, tám trăm ba mươi ba đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, vợ chồng chị Phạm Thị N, anh Lê Văn L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 25/7/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

- Buộc vợ chồng chị Phạm Thị N, anh Lê Văn L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0011821 ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

\* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thanh Tùng**